

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/HS-PT

Ngày: 11/3/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Hùng.

Các Thẩm phán: Ông Bích Văn Nhiên;

Bà Phạm Phong Lan;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tuấn - Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 06/2024/TLPT-HS ngày 17 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo Lê Thị L, Trần Thiện C và Trần Thị Mai H do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 154/2023/HS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Thị L, sinh ngày 06/12/1953, tại: Quảng Bình; nơi cư trú: Khu phố D, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không, trình độ học vấn: 08/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông Lê Ngọc S (chết) và bà Nguyễn Thị L1 (chết); có chồng là Trần T và 07 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Thiện C, tên gọi khác: H1, sinh năm: 1989, tại: Bình Thuận, nơi cư trú: Khu phố D, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không, trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông Trần T và bà Lê Thị L; vợ, con: không có; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Thị Mai H, sinh năm: 1982, tại: Bình Thuận; nơi cư trú: Khu phố D, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch:

Việt Nam; tôn giáo: Không, trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Đầu bếp; con ông Trần T và bà Lê Thị L; có chồng là Hồ Hữu T1 và 02 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/01/2023, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về môi trường – Công an tỉnh B phối hợp với Công an huyện T, Hạt kiểm lâm T2 và Ủy ban nhân dân xã P kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên đối với hộ kinh doanh Quán ăn H4 tại số E thôn L, xã P, huyện T do Trần Thiện C làm chủ phát hiện trong tủ cấp đông có thịt, xương động vật hoang dã nghi là sản phẩm của loài Sơn dương. Trần Thiện C tự nguyện giao nộp 22kg thịt động vật đã được phân thành nhiều gói nylon nhỏ với trọng lượng từ 200g, 300g đến 03kg và 5,5kg xương động vật. Tổ công tác đã tiến hành thu giữ, niêm phong: 22kg thịt động vật và 5,5kg xương động vật; 01 con dao dài 30cm, 01 cái móc sắt dài 60cm và 01 cuộn thực đơn gồm 11 tờ.

Tại bản kết luận giám định động vật số 148/STTNSV ngày 10/02/2023 của V thuộc V1 kết luận:

- 01 mẫu xương động vật là xương của loài Sơn dương có tên khoa học là C1 milneedwardsii. Loài Sơn dương thuộc lớp Thú. Xương sống của động vật là bộ phận không thể tách rời sự sống. Loài Sơn dương có tên trong Phụ lục I, Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (kèm theo Nghị định 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019 của Chính phủ) và đồng thời có tên trong nhóm IB, Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm (ban hành kèm theo Nghị định 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ). Loài Sơn dương có tên trong Phụ lục I, Danh mục loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) ban hành kèm theo Thông báo số 296/TB-CTVN ngày 27/11/2019 của Cơ quan quản lý C2.

- 01 (một) mẫu thịt động vật là thịt của loài H2 có tên khoa học là M muntjak. Hoẵng là loài động vật hoang dã không có tên trong các nghị định của Chính phủ và phụ lục của Công ước CITES.

Tại bản kết luận giám định động vật số 382/STTNSV ngày 27/3/2023 của V thuộc V1 kết luận:

- 02 (hai) mẫu thịt động vật ký hiệu mẫu 3, 4 là thịt của loài Sơn dương có tên khoa học là C1 milneedwardsii. Loài Sơn dương thuộc lớp thú. Thịt của loài Sơn dương là sản phẩm của loài Sơn dương. Loài Sơn dương có tên trong Phụ lục I, Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (kèm theo Nghị định

64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019 của Chính phủ) và đồng thời có tên trong nhóm IB, Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm (ban hành kèm theo Nghị định 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ).

- 03 (ba) mẫu thịt động vật ký hiệu mẫu 1, 2, 5 là thịt của loài Hoẵng có tên khoa học là Muntiacus M1. Hoẵng là loài động vật hoang dã không có tên trong các nghị định của Chính phủ và phụ lục của Công ước CITES.

Tiến hành phân loại trong 22kg thịt động vật và 5,5kg xương động vật, kết quả có: 4,497kg thịt loài Sơn dương, 5,5kg xương loài Sơn dương, còn lại là thịt loài Hoẵng.

Quá trình điều tra đã xác định được: Vào khoảng 19 giờ ngày 04/12/2022 bà Lê Thị L mua 04 chân đùi và xương sườn con Sơn dương không có nội tạng, không có đầu, còn da, lông trọng lượng 19kg với giá 200.000 đồng/kg, thành tiền là 3.800.000 đồng của một người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch. Lúc này Hồ Hữu T1 (con rể của bà L) đi ruộng về thì bà L nhờ T1 lột da, lóc thịt ra khỏi xương nhưng không nói là thịt của con gì. Sau đó, bà L và Trần Thị Mai H (con bà L, vợ của T1) thái thịt thành từng miếng nhỏ rồi bỏ vào túi nylon 200gam và túi 250gam, rồi cho các túi thịt này vào túi nylon lớn, cột dây nylon màu xanh ở miệng túi để làm dấu là túi thịt Sơn dương. Số lượng thịt Sơn dương mua còn da, lông là 19kg, đã bỏ da lông 2,4kg, còn phần thịt và xương: 16,6kg. Qua kiểm tra doanh thu trên phiếu tính tiền bán hàng từ ngày 05/12/2022 đến ngày 10/01/2023, xác định thịt Sơn dương đã bán là 6,6kg, tổng số tiền thu được từ bán 6,6kg thịt Sơn dương là 4.490.000 đồng. Số lượng xương chưa bán là 5,5kg, mẫu vật xương giám định hết 143gam; 02 mẫu vật thịt giám định hết 80gam, số lượng thịt thu giữ sau khi giám định còn lại trọng lượng là 4,417kg. Tổng số lượng thịt và xương loài Sơn dương còn lại sau giám định 9,774kg.

Đối với thịt của H2: Bà Lê Thị L mua 04 cái đùi còn da lông, trọng lượng 32kg, giá 250.000 đồng/kg, thành tiền 8.000.000 đồng của người phụ nữ không biết tên, lai lịch vào buổi sáng ngày 04/12/2022, rồi giao cho Hồ Hữu T1 lột da lông, lóc thịt ra khỏi xương và không nói là thịt con gì. Sau khi lóc da, xương, bà L và H thái nhỏ cho thịt vào túi nylon nhỏ 200gam đến 300gam, rồi cho các túi nhỏ vào túi nylon lớn, cột đầu túi bằng dây nylon màu đỏ để đánh dấu túi nylon thịt Đỏ. Từ ngày 04/12/2022 đến ngày 10/01/2023 qua kiểm tra doanh thu trên phiếu tính tiền bán hàng, xác định thịt Hoẵng (Đỏ) đã bán 11,5kg thu lợi được số tiền 8.410.000 đồng. Như vậy, số lượng thịt H2 (Đ) bà L mua là 32kg, làm ra thịt được 29kg (bỏ da, lông, xương là 03kg), lấy 04 mẫu vật thịt giám định hết: 303gam, số thịt còn lại sau giám định là 17,197kg.

Vì mục đích lợi nhuận, bà L biết thịt động vật Sơn dương là hàng cấm buôn bán nhưng vẫn mua thịt Sơn dương về sơ chế, thái nhỏ cho vào túi nylon để vào tủ đông bán cho khách. Khi khách gọi món ăn, Trần Thiện C (con bà L) ghi trên

giấy các món ăn khách chọn trên thực đơn (có món thịt Sơn dương), rồi đưa giấy vào bếp để Trần Thị Mai H nấu, nếu khách gọi món thịt Sơn dương thì sẽ lấy thịt từ túi nilon cột dây màu xanh là thịt Sơn dương để nấu món ăn cho khách. Khi tính tiền cho khách, C là người tính tiền các món ăn khách gọi, đến tối Chí cộng tiền bán được trong ngày đưa cho bà L.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 154/2023/HS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong đã quyết định:

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 244; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị L, Trần Thiện C, Trần Thị Mai H phạm tội “Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm”.

- Xử phạt: Bị cáo Lê Thị L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án phạt tù.

- Xử phạt: Bị cáo Trần Thiện C 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án phạt tù.

- Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Mai H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án phạt tù.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Cùng ngày 30 tháng 11 năm 2023, các bị cáo Lê Thị L, Trần Thiện C, Trần Thị Mai H có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo cho các bị cáo được hưởng án treo.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu quan điểm:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 154/2023/HS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, giữ nguyên mức hình phạt tù và cho các bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có

đủ cơ sở xác định: Ngày 10/01/2023, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về môi trường – Công an tỉnh B phối hợp với Công an huyện T, Hạt kiểm lâm T2 và Ủy ban nhân dân xã P kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên đối với hộ kinh doanh Quán ăn Hương R, tại số E thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận do bị cáo Trần Thiện C đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thu giữ 22kg thịt động vật. Theo kết luận giám định động vật của V2 thuộc V1; Kết quả phân loại xác định vật chứng thu giữ có 4,497kg thịt loài Sơn dương, 5,5kg xương loài Sơn dương. Loài Sơn dương có tên khoa học là Capricornis M2 tại phụ lục I Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (ban hành kèm theo Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019 của Chính phủ) và có tên trong nhóm IB, danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm (ban hành kèm theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ).

Nhận thấy quán ăn H4 do bị cáo Trần Thiện C đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nhưng việc thu chi của quán do bị cáo Lê Thị L quyết định (bị cáo L là mẹ của bị cáo C và bị cáo H). Bị cáo L là người đã mua 04 chân đùi và xương sườn con Sơn dương, sau đó cùng với bị cáo Trần Thị Mai Hoa c thịt thành từng miếng nhỏ cho vào các túi nylon 200gam và 300gam rồi để vào tủ đông, mục đích để thuận tiện làm món ăn bán cho khách. Khi khách chọn món ăn thì bị cáo Chí ghi trên giấy rồi đưa giấy vào bếp để bị cáo H chế biến. Đến cuối ngày, bị cáo C đưa toàn bộ tiền bán được trong ngày cho bị cáo L. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử các bị cáo Lê Thị L, Trần Thiện C, Trần Thị Mai H phạm tội “Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo Lê Thị L, Trần Thiện C, Trần Thị Mai H xin được hưởng án treo:

- Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo thành khẩn khai báo, đã tự nguyện nộp số tiền 4.490.000đồng thu lợi bất chính nên Tòa án sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và căn cứ nhân thân các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, vai trò của từng bị cáo trong vụ án, xử phạt bị cáo Lê Thị L mức án 01 năm 06 tháng tù, bị cáo Trần Thiện C và Trần Thị Mai H mỗi bị cáo 01 năm 03 tháng tù là phù hợp.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Thị L đã trên 70 tuổi nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên*” tại điểm o khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Bị cáo Trần Thị Mai H đang nuôi con nhỏ, là lao động chính trong gia đình nên được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Bị cáo Trần Thị Mai H phạm tội với vai trò thứ yếu; Bị cáo Lê Thị L với bị cáo Trần Thiện C và Trần Thị Mai H có quan hệ mẹ-con ruột. Các tình tiết nêu trên là tình tiết mới chưa được cấp sơ

thẩm xem xét. Xét bị cáo Lê Thị L và bị cáo Trần Thị Mai H có nhiều tình tiết giảm nhẹ; Có nhân thân tốt; Có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên hội đủ các điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự. Việc cho bị cáo Lê Thị L và bị cáo Trần Thị Mai H được hưởng án treo với thời gian thử thách nhất định cũng đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục bị cáo và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

- Đối với bị cáo Trần Thiện C mặc dù phạm tội với vai trò giúp sức cho bị cáo Lê Thị L nhưng bị cáo là người đứng tên hộ kinh doanh Q ăn Hương R nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hậu quả xảy ra tại hộ kinh doanh của mình. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Từ nhận định trên, xét kháng cáo của bị cáo Lê Thị L và bị cáo Trần Thị Mai H xin được hưởng án treo là có cơ sở chấp nhận; Kháng cáo của bị cáo Trần Thiện C xin được hưởng án treo là không có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án hình sự sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo Lê Thị L và bị cáo Trần Thị Mai H. Nhận định nêu trên là căn cứ chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Thị L và Trần Thị Mai H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Trần Thiện C phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thiện C.

- Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Thị L và bị cáo Trần Thị Mai H. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 154/2023/HS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong về biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo Lê Thị L và bị cáo Trần Thị Mai H.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị L, Trần Thiện C, Trần Thị Mai H phạm tội “Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm”.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 244; Điểm o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt bị cáo Lê Thị L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 11/3/2024).

Giao bị cáo Lê Thị L cho Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 244; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt bị cáo Trần Thiện C 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành hình phạt.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 244; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt bị cáo Trần Thị Mai H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (Hai) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 11/3/2024).

Giao bị cáo Trần Thị Mai H cho Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Bị cáo Lê Thị L và bị cáo Trần Thị Mai H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Bị cáo Trần Thiện C phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (11/3/2024).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Đức Hùng